TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

Trong các ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT; Địa chỉ: Số 266 - 268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh V: Ông Nguyễn Phước H - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng - Phòng cá nhân chi nhánh Cà Mau; địa chỉ: Số 164A, đường Nguyễn Tất Thành, phường LVL, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền số 238/2025/UQ-CNCM ngày 04/8/2025) (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hải Đ, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp BT, xã TH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng) trình bày*:

Ngày 23/02/2024, ông Đ có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tại Ngân hàng, theo đó ông Đảo đề nghị hạn mức vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Từ khi mở thẻ tín dụng, ông Đ thanh toán nợ thẻ tốt. Đến tháng 10/2024 thì ông Đ không thanh toán nợ thẻ dẫn đến nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở thanh toán nợ thẻ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Hải Đ trả số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là 144.864.334 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

** Đối với ông Phạm Hải Đ:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Phước H có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Phạm Hải Đ được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng ký kết. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp BT, xã TH, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông Đ trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đảo đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Tạm tính đến ngày 26/8/2025, ông Đ còn nợ là 144.864.334 đồng, trong đó vốn vay là 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29.909.556 đồng, lãi suất quá hạn là 14.954.778 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Đ biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối hay yêu cầu nào khác. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay ông Đ vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong các hợp đồng nên cần buộc ông Đ phải trả số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng của Ngân hàng, thấy rằng: Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện: "*…kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"*. Do đó, yêu cầu trên của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ phải chịu số tiền là 7.243.000 đồng (làm tròn số) (144.864.334 đồng x 5%). Ngân hàng không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng đã nộp được hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2020; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

Buộc ông Phạm Hải Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT - chi nhánh Cà Mau số tiền tính đến ngày 26 tháng 8 năm 2025 là 144.864.334 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), (trong đó vốn vay là 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29.909.556 đồng, lãi suất quá hạn là 14.954.778 đồng).

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26/8/2025, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/8/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc

chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phạm Hải Đ phải chịu 7.243.000 đồng (bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng), (chưa nộp).

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT không phải chịu. Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT đã nộp tạm ứng số tiền là 2.785.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011863 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng